

**Phụ lục I:**

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT TẠI ĐÔ THỊ NĂM 2023**

(Kèm theo Tờ trình số: 84/TTr-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

**2. THÀNH PHỐ CHÍ LINH**

*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>*

TT	Khu vực, tuyến đường	Bảng giá đất ở 2020-2024 (nghìn đồng)		Điều chỉnh, bổ sung Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023						Giá đất ở năm 2024 (nghìn đồng)		Ghi chú
				Đất ở		Đất TMDV		Đất SXKD				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 1	Vị trí 2	
<b>I</b>	<b>PHƯỜNG SAO ĐỎ</b>											
	<b>Đường, phố loại I</b>											
	<b>Nhóm D</b>											
1	Bạch Đằng	20.000	10.000	1,2	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0	24.000	11.000	Điều chỉnh
	<b>Đường, phố loại II</b>											
	<b>Nhóm A</b>											
1	Nguyễn Huệ (đoạn từ ngã 4 Sao Đỏ đến đường tàu)	15.000	7.500	1,4	1,4	1,0	1,0	1,0	1,0	21.000	10.500	Điều chỉnh
	<b>Nhóm B</b>											
1	Nguyễn Huệ (đoạn từ đường tàu đến bột điện)	10.000	5.000	1,8	1,5	1,0	1,0	1,0	1,0	18.000	7.500	Điều chỉnh
2	Đường trong khu dân cư phía Đông đường Trần Hưng Đạo (mặt cắt đường Bn=20,5m)	10.000	5.000	1,6	1,4	1,0	1,0	1,0	1,0	16.000	7.000	Điều chỉnh
	<b>Nhóm C</b>											
1	Đường Nguyễn Chí Thanh	8.000	4.000	1,4	1,5	1,0	1,0	1,0	1,0	11.200	6.000	Bổ sung
2	Đường trong khu dân cư phía Đông đường Trần Hưng Đạo (mặt cắt đường Bn=18m)	8.000	4.000	1,5	1,5	1,0	1,0	1,0	1,0	12.000	6.000	Bổ sung
	<b>Đường, phố loại III</b>											

	<b>Nhóm A</b>											
1	Đường trong khu dân cư phía Đông đường Trần Hưng Đạo (mặt cắt đường Bn=17,5m)	7.000	3.500	1,6	1,4	1,0	1,0	1,0	1,0	11.200	4.900	Bổ sung
	<b>Nhóm B</b>											
1	Nguyễn Huệ (đoạn còn lại)	6.000	3.000	1,8	1,5	1,0	1,0	1,0	1,0	10.800	4.500	Điều chỉnh
2	Đường trong khu dân cư phía Đông đường Trần Hưng Đạo (mặt cắt đường Bn=16,0m và Bn=12,0m)	6.000	3.000	1,6	1,4	1,0	1,0	1,0	1,0	9.600	4.200	Bổ sung
<b>II</b>	<b>PHƯỜNG CỘNG HÒA</b>											
	<b>Đường phố loại I</b>											
	<b>Nhóm B</b>											
1	Đường trong khu đô thị Đại Sơn (mặt cắt đường Bn=26,0m)	15.000	7.500	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	15.000	7.500	Bổ sung
	<b>Nhóm C</b>											
1	Đường trong khu đô thị Đại Sơn (mặt cắt đường Bn=20,5m)	10.000	5.000	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	10.000	5.000	Bổ sung
2	Đường trong khu dân cư thương mại và chợ Cộng Hòa (mặt cắt đường Bn=16,0m)	10.000	5.000	1,2	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0	12.000	5.500	Bổ sung
	<b>Nhóm D</b>											
1	Quốc lộ 37 (đoạn từ hồ Côn Sơn đến ngã 3 An Lĩnh thuộc khu dân cư Chúc Thôn Tiên Sơn)	8.500	4.500	1,2	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0	10.200	4.950	Chuyển từ Loại II C lên
	<b>Đường phố loại II</b>											
	<b>Nhóm A</b>											
1	Đường trong khu đô thị Đại Sơn (mặt cắt đường Bn=17,5m)	7.000	3.500	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	7.000	3.500	Bổ sung
2	Đường trong khu dân cư thương mại và chợ Cộng Hòa (mặt cắt đường 10,0m<=Bn<=10,5m)	7.000	3.500	1,2	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0	8.400	3.850	Bổ sung
	<b>Nhóm B</b>											

1	Đường trong khu dân cư thương mại và chợ Cộng Hòa (mặt cắt đường Bn=9,5m)	6.000	3.000	1,2	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0	7.200	3.300	Bổ sung
<b>III</b>	<b>PHƯỜNG BẾN TÂM</b>											
	<b>Đường, phố loại I</b>											
	<b>Nhóm B</b>											
1	Các đường còn lại của khu dân cư Trung Tâm	4.000	2.000	1,7	1,5	1,0	1,0	1,0	1,0	6.800	3.000	Điều chỉnh

*Ghi chú: Vị trí 3 và vị trí 4 có hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1.*